TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 08-01-2018
V/V Ly hôn giữa bà N và ông T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Quốc Tiết

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N. Địa chỉ: ấp c, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T. Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện t, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông Tuấn không quan tâm đến kinh tế gia đình, bỏ mặc bà phải gánh vác, có lần ông T đánh bà bị thương tích, bà bỏ về cha mẹ ruột sống 06 tháng, ông T xin lỗi bà trở về chung sống nhưng sau đó ông T không sửa đổi gì. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thái Long, sinh ngày 23/01/2012, hiện nay con chung đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà bà N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Thanh N và ông Nguyễn Thanh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà N yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy thuộc quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà N cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà N và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khi bà N yêu cầu ly hôn ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà N đối với ông T.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trần Thái Long, sinh ngày 23/01/2012, hiện nay con chung đang sống cùng bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Xét cần giao con chung tên Thái Long cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà N được chấp nhận, bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh N và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Thái Long, sinh ngày 23/01/2012 cho bà N nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007844 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí